

Bản án số: 50/2018/HS-PT
Ngày 14-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông

Ông Lê Quân Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 67/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo: Phạm Hữu K, Lê Thị N, Lê Xuân C do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Hữu K, Lê Thị N, Lê Xuân C; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Phạm Hữu K, sinh năm 1986, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu H (đã chết) và bà Lê Thị G; có vợ tên Đỗ Thị Thúy H và 02 con cùng sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/8/2012, bị Công an xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng với số tiền 1.500.000 đồng (đã chấp hành xong). Ngày 24/5/2013, bị Công an xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng (đã chấp hành xong); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 29/11/2017 chuyển sang tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến ngày 24/01/2018 được trả tự do và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, (có mặt).

2. Lê Xuân C, sinh năm 1962, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Ấp 2, xã T,

huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn A (đã chết) và bà Lê Thị Đ; có vợ tên Cao Thị Đ và 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/7/2008, bị Công an huyện T (nay là huyện B) xử phạt hành chính về tội Đánh bạc; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2017 đến ngày 29/11/2017 được trả tự do và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, (có mặt).

3. Lê Thị N, sinh năm 1983, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Ấp 4, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc C (đã chết) và bà Lê Thị L; có chồng tên Lê Trung D và 04 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/3/2015, bị Công an xã H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã chấp hành xong); bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 07 bị cáo khác và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không có kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/11/2017, Nguyễn Trọng B cùng với Trần Hưng T đến nhà của Phạm Hữu K tại ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương hỏi K có ai đánh bài không. K gọi điện thoại cho Cao Thị Đ, Lê Văn C và Lê Thị H để rủ đến nhà K chơi đánh bài. Trong thời gian chờ Đ, Lê Văn C, H đến thì K cùng với B và T dùng bộ bài tây 52 lá đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh bài cào dùa, mỗi ván chia cho mỗi người ba lá bài để tính điểm nếu ai điểm lớn hơn thì thắng hết số tiền người khác đặt cược, người nào thắng thì làm cái ván tiếp theo, mỗi ván người chơi đặt 50.000 đồng. Chơi được một lúc thì Đ, H đến để đánh bài, K không chơi nữa và đi mua 10 bộ bài tây và 14 chai nước ngọt cho mọi người uống. Khi về nhà, K thấy mọi người đang chơi đánh bài cào dùa nên K cũng vào chơi cùng. Cách chơi cũng tương tự như bài cào dùa nhưng mỗi ván người chơi đặt tiền từ 100.000 đồng trở lên và có thể đặt cược thêm tiền, ai không đặt cược thêm thì coi như thua, ai cược đến cùng thì được mở bài để tính thắng thua. Khi chơi, K có nói với mọi người nếu ai thắng hai ván liên tục thì bỏ 100.000 đồng vào hộp sữa mà K đã để sẵn. Lúc này, có thêm Lê Thị N, Hoàng Xuân T, Cao Thị L, Lê Văn C và Lê Xuân C cũng đến tham gia chơi bài. Chơi được một lúc, K không chơi nữa mà đi ra phía trước nhà cảnh giới cho mọi người ở trong nhà chơi. Đến khoảng 16 giờ 40 phút, Công an huyện B bắt

quả tang và thu giữ tại chiếu bạc và trên người con bạc tổng số tiền là 52.041.000 đồng, 05 bộ bài tây đã qua sử dụng, 10 bộ bài tây chưa qua sử dụng, 01 vỏ hộp đựng cà phê màu đỏ đen có chữ NESCAFE, 01 vỏ hộp sữa có nắp nhựa bên trên có chữ VINAMILK SURE, 03 xe mô tô, 08 điện thoại di động các loại và một số tang, tư vật khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Phạm Hữu K có 13.800.000 đồng để trong túi quần và 684.000 đồng để trong ví. Khi đánh bạc với B và T, K lấy 800.000 đồng trong tổng số tiền 13.800.000 đồng ra đánh bạc. Một lúc sau, Đ, Lê Văn C và H đến, K không chơi đánh bài nữa. Lúc này, K thắng bạc được 400.000 đồng, K lấy 200.000 đồng đi mua bài và nước ngọt. Sau đó, K tiếp tục chơi đánh bài, trong quá trình chơi, Đ mượn tiền của K hai lần, lần đầu mượn 500.000 đồng, lần thứ hai mượn 1.000.000 đồng. Đ đã trả lại cho K 1.500.000 đồng. Sau đó, Lê Văn C và N mượn tiền của K. K cho Lê Văn C mượn hai lần, mỗi lần 1.000.000 đồng và N mượn 1.000.000 đồng. Số tiền cho mượn này K lấy từ số tiền 13.800.000 đồng và tiền Đ trả. Khi bị bắt, K còn lại 11.000.000 đồng để trong túi quần, 684.000 đồng cất trong ví và 400.000 đồng tiền xâu ở trong lon sữa.

Nguyễn Trọng B mang theo số tiền 2.097.000 đồng, B sử dụng 2.000.000 đồng để chơi đánh bạc, còn lại 97.000 đồng cất trong túi quần. Khi đánh bạc, B cho T mượn 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt, B thua 100.000 đồng, bị thu giữ 900.000 đồng vớt dưới gầm giường và số tiền 97.000 đồng cất trong túi quần. T chưa trả cho B số tiền 1.000.000 đồng.

Lê Xuân C mang theo số tiền 1.700.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Khi bị bắt, C bị thu giữ 1.500.000 đồng.

Lê Văn C mang theo số tiền 60.000 đồng và mượn của K 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt, Lê Văn C bị thu giữ số tiền 1.660.000 đồng.

Hoàng Xuân T mang theo số tiền 1.500.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt T bị thu giữ 10.600.000 đồng.

Trần Hưng T mang theo số tiền 1.500.000 đồng và mượn thêm của B số tiền 1.000.000 đồng. Khi bị bắt, T bị thu giữ số tiền 800.000 đồng. T chưa trả cho B số tiền 1.000.000 đồng.

Cao Thị Đ mang theo số tiền 1.200.000 đồng và mượn thêm K 1.500.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt, Đ bị thu giữ số tiền 700.000 đồng. Đ đã trả cho K số tiền 1.500.000 đồng.

Lê Thị H mang theo tổng số tiền 15.100.000 đồng. Khi đến nhà K, L trả cho H 2.000.000 đồng mà L nợ H trước đó. Sau đó, H lấy 4.000.000 đồng (trong

số tiền 15.100.000 đồng và 2.000.000 đồng L trả để đánh bạc). Khi bị bắt, H bị thu giữ 6.300.000 đồng trong áo khoác và 11.100.000 đồng trong áo ngực.

Cao Thị L đến nhà K mang theo số tiền 8.300.000 đồng. L trả cho H số tiền 2.000.000 đồng, lấy 1.200.000 đồng để đánh bạc, còn lại 5.100.000 đồng không dùng để đánh bạc. Khi bị bắt L bị thu giữ 6.300.000 đồng.

Lê Thị N mang theo 500.000 đồng và mượn thêm K 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc và thua hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu K phạm tội “Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng Điều 53, khoản 1 Điều 248 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Hữu K 4 (bốn) tháng tù về tội Đánh bạc và 12 (mười hai) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt là 16 (mười sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2017 đến ngày 24/01/2018).

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân C phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 53, khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Xuân C 03 (ba) tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 53, khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị N 03 (ba) tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/3/2018, bị cáo Lê Xuân C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lê Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 28/3/2018, bị cáo Phạm Hữu K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/4/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-BTU, yêu cầu sửa bản án hình sự sơ thẩm, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và chuyển sang hình phạt nhẹ hơn đối với bị cáo Lê Thị N và Lê Xuân C.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo Phạm Hữu K, Lê Thị N, Lê Xuân C có đơn kháng cáo bổ sung xin được hưởng án treo hoặc chuyển đổi hình phạt khác nhẹ hơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm, thể hiện như sau:

Về tố tụng: Viện kiểm sát nhân dân huyện B có Quyết định kháng nghị, các bị cáo kháng cáo bản án trong thời gian quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm để xem xét giải quyết kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B xác định Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng chưa hết các tình tiết giảm nhẹ như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo C, bị cáo N là có cơ sở. Do đó, đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-BTU của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Đối với bị cáo Phạm Hữu K Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt 16 tháng cho cả hai tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo K không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K.

Đối với bị cáo C, bị cáo N, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt hành chính về tội đánh bạc nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không đúng nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với các bị cáo, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không lớn, nên áp dụng hình phạt phạt tiền đối với các bị cáo C, N với số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C, N sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo C, bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B đã thể hiện. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại nhà bị cáo Phạm Hữu K ở ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Phạm Hữu K, Nguyễn Trọng B, Lê Xuân C, Lê Văn C, Hoàng Xuân T, Trần Hưng T, Cao Thị Đ, Lê Thị H, Cao Thị L, Lê Thị N có hành vi đánh bạc với hình thức chơi bài cào thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền thu giữ dùng để đánh bạc là 26.760.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo K còn có hành vi cho mượn nhà, chuẩn bị vật dụng và nước uống phục vụ cho việc đánh bạc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Phạm Hữu K phạm tội “Đánh

bạc” và “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo K là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Bị cáo K kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để xem xét, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo K.

[2] Đối với các bị cáo Lê Xuân C và Lê Thị N, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tuy nhiên, khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo C, N đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là áp dụng không đúng với hướng dẫn tại điểm b9 khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Mặt khác, bị cáo Lê Thị N đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên được xem xét là tình tiết giảm nhẹ, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc không lớn (của bị cáo C là 1.700.000 đồng, của bị cáo N là 1.500.000 đồng), bị cáo N hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nếu buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt tù thì việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho con sẽ gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, các bị cáo C, N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo C, N ra khỏi xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo, cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét thấy, kháng cáo của các bị cáo C và N là có căn cứ.

[3] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” cho các bị cáo C và N là có cơ sở.

[4] Xét đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C và N; chấp nhận Quyết định kháng nghị

của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B sửa bản án hình sự sơ thẩm, chuyển sang hình phạt nhẹ hơn đối với bị cáo Lê Thị N và Lê Xuân C là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Thị N và Lê Xuân C được chấp nhận nên các bị cáo không phải nộp. Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Hữu K không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-BTU ngày 02/4/2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Xuân C và Lê Thị N.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 19/3/2018 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Lê Xuân C và bị cáo Lê Thị N, như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân C, Lê Thị Nguyệt phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

- Áp dụng Điều 30, Điều 53, khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị N 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Áp dụng Điều 30, Điều 53, khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Xuân C 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Hữu K.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 19/3/2018 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Phạm Hữu Kháng, như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu K phạm tội “Đánh

bạc” và “Tổ chức đánh bạc”.

Về hình phạt: Áp dụng Điều 53, khoản 1 Điều 248, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu K 04 (bốn) tháng tù về tội Đánh bạc và 12 (mười hai) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt là 16 (mười sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2017 đến ngày 24/01/2018).

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Các bị cáo: Lê Thị N và Lê Xuân C không phải nộp.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo Phạm Hữu K phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Văn Lộc